

Một số di chỉ tiêu biểu của văn hóa Óc Eo trên đất Nam bộ

Đào Linh Côn

CÁC DI CHỈ VĂN HÓA ÓC EO TRÊN VÙNG ĐẤT NAM BỘ VIỆT NAM ĐƯỢC KHẢO CỔ HỌC BIẾT ĐẾN LẦN ĐẦU TIÊN TỪ NHỮNG NĂM 40 CỦA THẾ KỶ XX, PHÂN BỐ TRONG VÙNG TỨ GIÁC LONG XUYÊN, VÙNG RỪNG U MINH THƯỢNG VÀ VÙNG ĐỒNG THÁP MƯỜI. TRONG ĐÓ, KHU DI TÍCH ÓC EO - BA THÊ CÓ QUY MÔ LỚN NHẤT, ĐƯỢC COI LÀ TRUNG TÂM CỦA VĂN HÓA ÓC EO, NẪM TRÊN SƯỜN - CHÂN NÚI BA THÊ VÀ TRÊN CÁN H ĐÔNG PHÍA ĐÔNG CỦA NÚI NÀY ĐƯỢC NHÀ KHẢO CỔ HỌC NGƯỜI PHÁP LOUIS MALLERET KHAI QUẬT LẦN ĐẦU VÀO NĂM 1944.

Từ kết quả khai quật, kết hợp với việc phát hiện nhiều di chỉ khảo cổ phân bố trong vùng, người ta đã lần lượt đưa ra nhiều nhận định, kiến giải liên quan đến văn hóa, lịch sử cổ xưa của vùng đất đồng bằng Nam bộ:

- Văn hóa Óc Eo phát triển trên một tầng cư dân bản địa ở vùng đồng bằng Nam bộ.

- Văn hóa Óc Eo đã hội tụ nhiều luồng văn hóa cổ từ truyền thống văn hóa thời kỳ đồng đá Nam Đông Dương, văn hóa Ấn Độ cổ đại đến các yếu tố văn hóa Địa Trung Hải và với cả Trung Hoa mà trong đó yếu tố văn hóa Ấn Độ chiếm vai trò chủ đạo.

- Văn hóa Óc Eo là dấu vết vật chất của vương quốc Phù Nam - một trong những quốc gia cổ đại được hình thành sớm nhất ở Đông Nam Á vào thế kỷ thứ I-VII sau Công nguyên...

Sau năm 1975, đặc biệt là từ năm 1982 đến nay, ngành khảo cổ học phía Nam với sự hỗ trợ của bảo tàng các tỉnh Nam bộ đã tiến hành khảo sát, khai quật nhiều di chỉ khảo cổ, đã mang lại nhiều dữ kiện mới, soi sáng và minh họa một cách cụ thể cho văn hóa Óc Eo, cho lịch sử Phù Nam. Những phát hiện mới đã cho thấy địa bàn phân bố của các di chỉ văn hóa Óc Eo gần như bao quát cả vùng đồng bằng Nam bộ từ vùng đồng bằng trũng thấp miền Tây sông Hậu đến vùng cao miền trung

lưu sông Đồng Nai. Có khoảng trên 100 di tích đã được kiểm chứng và được phát hiện mới. Trong đó, nhiều di chỉ đã được đào thám sát, khai quật khảo cổ học như Nền Chùa, Cạnh Đền, Kè Một, Đá Nổi, Nền Vua, Gò Giồng Xoài (Kiên Giang: 1982, 1983, 1986, 1990, 2001, 2002); Óc Eo - Ba Thê, Đá Nổi, Gò Cây Tung, Hố thờ An Lợi, Gò Tháp An Lợi (An Giang: 1983, 1984, 1993, 1994, 1996, 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2004); Gò Rộc Chanh, Gò Xoài, Gò Năm Tước, Gò Đôn, Gò Hàng, Gò Bảy Liếp, Gò Sao, Gò Trâm Quỳ (Long An: 1986, 1987, 1988, 1990); Lưu Cừ (Trà Vinh: 1986, 1987); Thành Mới (Vĩnh Long: 1998, 1999); Gò Thành (Tiền Giang: 1988, 1989, 1990); Gò Chùa Phụng Sơn (TP. Hồ Chí Minh: 1988-1992); Vĩnh Hưng (Bạc Liêu: 1990-2002); Nhơn Thành (Cần Thơ: 1990, 1991, 1997, 1998...); Thanh Điền, Tiên Thuận, Phước Chỉ, Gò Tháp, Chóp Mạt (Tây Ninh: 1990, 1991, 2003); Cây Gáo, Đồng Bờ, Miếu Con Chồn, Gò Bường, Nam Cát Tiên, Rạch Đông, Suối Cả, ĐaLak, Gò Chiêu Liên (Đồng Nai: 1986, 1987, 1990, 1991, 1992, 1995, 1996); Cát Tiên (Lâm Đồng: 1986, 1994, 1995, 1996, 1998, 2001, 2003, 2004).

Các cuộc thám sát và khai quật nói trên đã phát hiện được nhiều di chỉ cư trú kiểu nhà sàn trên cọc gỗ, nhiều vật

dụng bằng gốm, bằng đá, bằng gỗ, bằng kim loại, những di chỉ kiến trúc đền đài, đền tháp, mộ táng bằng gạch hoặc gạch đá hỗn hợp, hàng ngàn di vật các loại, mà nổi bật nhất là những pho tượng bằng đá, bằng đất nung, bằng gỗ, những đồ trang sức bằng vàng, mảnh vàng lá khắc chạm nhiều loại hình cây cỏ, hoa lá, rắn, rùa, cá, những hình thần nhân, hình động vật, chữ Sanskrit cổ...

Những khám phá mới nêu trên đã mang đến nhiều hiểu biết mới không hoàn toàn giống như những quan niệm của các nhà học giả Pháp trước đây, nhưng cũng không phủ nhận tất cả những kiến giải của họ. Văn hóa Óc Eo ngày nay có không gian rộng hơn, có quá trình phát triển dài hơn. Đặc biệt, việc phát hiện mộ táng cùng với nhiều di vật quý chôn trong mộ đã làm cho nội dung của nó phong phú, đa dạng và hấp dẫn hơn. Trong những phát hiện mới nói trên có nhiều di chỉ tiêu biểu quan trọng có giá trị nghiên cứu trong việc góp phần làm sáng tỏ nội dung của nền văn hóa Óc Eo và lịch sử vương quốc Phù Nam mà nổi bật là các di tích Óc Eo - Ba Thê, Đá Nổi (An Giang), Nền Chùa, Cạnh Đền (Kiên Giang), Gò Tháp (Đồng Tháp), Bình Tả (Long An):

1. Khu di tích Óc Eo - Ba Thê

Khu di tích được coi là trung tâm của văn hóa Óc Eo ở Nam bộ gồm di tích Óc Eo nằm trên cánh đồng Óc Eo tiếp giáp về phía đông và đông nam núi Ba Thê và di tích Ba Thê nằm trên sườn - chân núi phía bắc, phía đông nam núi Ba Thê, tiếp giáp với cánh đồng Óc Eo ở phía đông thuộc xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn. Khu di tích này được biết đến từ cuối thế kỷ XIX - giữa thế kỷ XX đã được nhà khảo cổ người Pháp L. Malleret khai quật lần đầu vào năm 1944. Qua kết quả điều tra khảo sát, thám sát và khai quật, L. Malleret đã cho rằng di tích Óc Eo là thành phố cảng của vương quốc Phù Nam và di tích Ba Thê thuộc thời kỳ muộn sau Óc Eo. Theo ông, các dấu vết cư trú được ghi nhận có diện phân bố rộng có địa tầng khá phức tạp. Độ dày của các lớp cư trú cho thấy có sự chiếm cứ lâu dài với sự tồn tại của hai giai đoạn khác nhau mà giai đoạn sớm có thể bắt đầu từ hậu kỳ đá mới hay sơ kỳ thời đại kim khí.

Sau ngày miền Nam được giải phóng, đã có hàng chục các cuộc đào thám sát, khai quật được tiến hành tại khu di tích này. Các cuộc khai quật đã làm xuất lộ một phần hoặc toàn bộ những di tích kiến trúc tôn giáo

xây dựng bằng gạch hoặc bằng gạch đá hỗn hợp với cát mịn, còn nguyên hoặc đã bị phá hủy một phần. Ví như các di chỉ kiến trúc Gò Cây Trôm (1983), Gò Cây Thị (1999, 2000), Linh Sơn 2 (1998), Linh Sơn Bắc (1993) được xây bằng gạch thành những hộc hình tứ giác, hình vuông có móng được gia cố bằng những khối đá hoa cương, sét cát nện chặt. Di chỉ Gò Giồng Xoài (2000), Gò Cây Thị B (1999), Nam Linh Sơn Tự (1993, 1998, 2000), Gò Cây Me (2001) được xây bằng gạch đá hỗn hợp quay mặt về phía đông, bên ngoài có tường vách bao bọc, bên trong chia thành ngăn có chính tâm nằm ở phía tây.

Trên các Gò Cây Cóc (A1), Gò Oăng Cồn (A3, A3'), gò đá số 7, số 8, số 10, Linh Sơn 3, Gò Đế (kiến trúc E) có kiến trúc di chỉ mộ hỏa táng được xây với quy mô lớn nhỏ khác nhau. Trong đó, di chỉ mộ Gò Cây Cóc (A1) có cấu trúc kiên cố và phức tạp, Gò Đế do L. Malleret khai quật vào năm 1944 được cho là kiến trúc có 2 ngăn thì trong cuộc khai quật kiểm chứng vào năm 1998 đã xác định là một di chỉ mộ táng có cấu trúc quy mô rất lớn nằm sâu trong lòng đất. Mộ Linh Sơn 3 được phát hiện ở phía nam chùa Linh Sơn Tự trên sườn núi Ba Thê, có dạng hình giếng vuông xung quanh có



Di tích đền thần Maitreya trời Gò Bà Chùa Xứ ở Gò Tháp, Đồng Tháp. Ảnh: Phùng Quốc Danh



Di tích kiến trúc Lưu Cù II, Trà Vinh. Ảnh: Phùng Quốc Danh

tường vách gạch bao bọc. Ngoài ra, trong các cuộc khai quật di tích kiến trúc Linh Sơn Nam vào năm 1998 đã phát hiện được một mộ chum, bên trong có vài mảnh chất hữu cơ nhỏ, 5 hạt chuỗi bằng vàng và một nửa hạt chuỗi mã não. Cuộc khai quật di chỉ cư trú Gò Tư Trâm dưới chân sườn núi Ba Thê năm 2002 đã phát hiện được dấu vết của mộ huyết đất hình chữ nhật, dưới đáy có lót chiếu hoặc tấm cối (?) còn ở phía trên có dấu vết chất hữu cơ màu trắng.

Cùng với việc phát hiện các di chỉ kiến trúc, mộ táng trong khu vực di tích đã tìm thấy nhiều dấu vết cư trú cổ chứa nhiều mảnh gốm, gạch vỡ, hòn chì, xỉ đồng, hạt cườm tằm, xương răng động vật, vết tích cọc gỗ nhà sàn... Các điểm này tập trung quanh các kiến trúc nằm ven hoặc gần hai bờ lung cổ, dưới chân núi Ba Thê... trải rộng trên diện tích nhiều km².

Như vậy, những phát hiện mới của khảo cổ học có ý nghĩa rất quan trọng đã cho thấy khu di tích Óc Eo - Ba Thê không thể là một thành phố cảng mà là một trung tâm tôn giáo, trung tâm chính trị - văn hóa lớn. Hàng chục mẫu gỗ, than được lấy từ di tích này gửi phân tích C14 cho niên đại từ thế kỷ I đến thế kỷ VIII, IX sau Công nguyên. Đặc

biệt, trong số này tại di chỉ cư trú trên cát ở Gò Giồng Xoài đã tìm thấy nhiều mảnh gốm lạ mang yếu tố sớm giống gốm tiền sử lưu vực sông Đồng Nai, gốm mang yếu tố ven biển hải đảo và gốm có vân in thừng, vân in dấu vải cực mịn, chưa hề gặp trong các di chỉ thuộc giai đoạn sớm ở vùng Nam bộ. Di chỉ có niên đại C14: 2150±90BP.

Tại di chỉ Gò Tư Trâm (2001-2002), lần đầu tiên khảo cổ học đã phát hiện được một địa tầng có 3 lớp văn hóa cư trú, nằm dưới một di chỉ kiến trúc được xây chủ yếu bằng gạch tái sử dụng. Ba lớp cư trú này trải qua 3 giai đoạn phát triển sớm muộn khác nhau từ tiền sử muộn đến Óc Eo phát triển. Trong đó, tầng văn hóa thuộc giai đoạn sớm (tiền sử muộn) đã tìm thấy nhiều đồ gốm lạ, bóng, cứng chắc gần như sành, hoa văn trang trí rất sắc nét, không giống gốm thời tiền và sơ sử trong khu vực mà có thể có nguồn gốc ngoại nhập. Di chỉ có niên đại 2030 ± 80BP; giai đoạn tiếp theo thuộc Óc Eo sớm 1885 ± 50BP và 1880 ± 40 BP đã tìm thấy nhiều đồ gốm thuộc văn hóa Óc Eo nhưng có màu sắc tươi hơn và cứng chắc hơn giai đoạn tiếp sau. Giai đoạn Óc Eo điển hình tuy không có niên đại C14 nhưng qua loại hình chất

liệu đồ gốm đã xác định chúng hoàn toàn giống với gốm tìm thấy trên cánh đồng Óc Eo và gốm ở di chỉ Trung Sơn thuộc thời kỳ Óc Eo phát triển niên đại khoảng thế kỷ V-VII sau Công nguyên.

Dựa vào kết quả phân tích C14, kết hợp việc phân tích hình dáng, chất liệu đồ gốm thu được qua các hố thám sát, khai quật cho thấy vào thời tiền sử muộn khoảng thế kỷ II trước Công nguyên đến I sau Công nguyên, khu vực Óc Eo - Ba Thê là nơi có sự hội tụ đầu tiên của nhiều cộng đồng người khác nhau, từ vùng cao xuống, từ hải đảo - ven biển vào và từ các xứ sở khác bên ngoài tới. Lúc đầu, họ sống trên các thế đất nổi cao trên mặt nước ở Gò Giồng Xoài, Gò Cây Da, Gò Óc Eo, Gò Cây Thị và trên chân - sườn núi Ba Thê.

Việc tìm thấy mộ chum ở di chỉ Linh Sơn Nam, mộ huyết đất ở Gò Tư Trâm và than người chôn trong hố hình tròn gần hình phễu trong kiến trúc Gò Cây Thị B đã cho phép nghĩ rằng: Cư dân từ vùng cao xuống có tập tục chôn cất bằng mộ huyết đất; cư dân từ hải đảo - ven biển có tập tục chôn người trong mộ chum; cư dân từ các xứ sở khác mà rất có thể là những người thuộc tầng lớp trên, những người theo Ấn giáo hoặc từ Ấn Độ đến có tục chôn xương tro người chết trong huyết hình phễu, gần hình phễu hoặc trong hố vuông.

Giai đoạn Óc Eo sớm thế kỷ I-IV sau Công nguyên: do mật độ nhân khẩu tăng nên phạm vi cư trú được mở rộng dần xuống vùng thấp. Đây cũng là giai đoạn mà cư dân thời tiền sử muộn ở Óc Eo đã có mối quan hệ trao đổi với cư dân khác ở thế giới bên ngoài mà đặc biệt là từ Ấn Độ.

Đây là giai đoạn văn hóa Óc Eo đã định hình và phát triển. Cư dân cổ trên khu vực Óc Eo - Ba Thê đã dần chiếm lĩnh toàn bộ vùng đồng bằng thấp Tứ giác Long Xuyên. Gắn liền với việc chuyển tiếp từ tiền sử muộn

sang sơ sử và bắt đầu hình thành nhà nước phong kiến sơ khai cùng với việc mở rộng địa bàn cư trú, các công trình tôn giáo có lẽ cũng phát triển mạnh. Nhiều những hiện vật đặc trưng của văn hóa Óc Eo như các kiểu dáng của đồ gốm, đồ đất nung, những trang sức bằng đồng, chì, thiếc, đá quý, thủy tinh, con dấu, bùa đeo... đều được phát hiện trong giai đoạn này. Việc phát hiện những cọc gỗ, cấu kiện bằng gỗ kích thước lớn hoặc rất lớn nằm sâu dưới lòng đất ở Gò Da 2150 ± 40 BP; 1750 ± 50 BP, Gò Óc Eo 1960 ± 80 BP, 1930 ± 60 BP, Gò Phật, Kinh Giồng Xoài... cho thấy vào thời kỳ này có thể các công trình kiến trúc được xây chủ yếu bằng vật liệu nhẹ.

Thời kỳ Óc Eo phát triển, thế kỷ IV-VI, VII sau Công nguyên:

Vào thời kỳ này cư dân Óc Eo đã hoàn toàn làm chủ vùng đồng bằng miền Tây sông Hậu, vùng U Minh và vùng trũng thấp Đồng Tháp Mười. Đây cũng là thời kỳ mà các kiến trúc tôn giáo được phát hiện nhiều nhất và chủ yếu được xây bằng gạch hoặc bằng gạch đá hỗn hợp. Trong đó, khu vực Óc Eo - Ba Thê vẫn là nơi tập trung nhiều kiến trúc nhất, quy mô nhất... chứng tỏ nó đóng giữ vị trí trung tâm quan trọng ở đồng bằng Nam bộ.

2. Di chỉ Nền Chùa

Di tích còn có tên gọi là Tà Kev, có nghĩa "Oàng Ngọc", cách di tích Óc Eo - Ba Thê 12km về phía tây nam, cách Rạch Giá 12km về phía bắc.

Tại đây vào năm 1944, L. Malleret đã tiến hành 3 đợt khảo sát hiện trường và một đợt quan sát bằng máy bay vào năm 1946. Di tích được coi là "tiền cảng" của "thành phố cảng Óc Eo". Đồng thời còn cho biết "di tích đã bị phá hủy và phải xem như đã mất hẳn đối với khoa học" (L. Malleret, 1959). Vào hai năm 1982 và 1983, hai đợt khai quật đã được triển khai tại di tích này

là lần đầu tiên khảo cổ học đã phát hiện được ba loại hình di tích quan trọng. Đó là loại hình di chỉ cư trú, di chỉ kiến trúc và di chỉ mộ táng.

- Về di chỉ cư trú: Tại địa điểm 82 NCL1 ngay ven bờ Lung Lớn đã phát hiện dấu vết cọc gỗ chôn đứng, một vài cây gỗ nằm ngang, sàn gỗ, các mảnh gốm vỡ lớn thuộc loại dụng cụ sinh hoạt như nồi, bình có vòi, ly chân cao, cà ràng, xương cốt động vật và trái cây... Ngoài ra, dấu vết cư trú này còn xuất lộ tại nhiều nơi trong di tích trên diện tích rộng 15ha.

- Về di chỉ kiến trúc: tại đây đã phát hiện nền móng của một kiến trúc xây chủ yếu bằng đá. Trung tâm kiến trúc đã phát hiện dấu vết một ngôi mộ hỏa táng hình khối vuông có chôn theo nhiều hiện vật quý. Di chỉ kiến trúc này được nhìn nhận là kiến trúc bằng đá lớn nhất trong các kiến trúc văn hóa Óc Eo được phát hiện cho đến nay (dài 25,60m, rộng 16,30m).

- Về di chỉ mộ táng: cũng trong hai cuộc khai quật này, lần đầu tiên khảo cổ học đã phát hiện được mộ táng chôn trên các Gò Bà Chúa Xứ A, Gò Bà Chúa Xứ B, Gò Phật Nổi, Gò Nền Chùa, Takev. Tất cả các mộ đều thuộc loại hình hỏa táng, chôn trong huyệt hình chữ nhật, hình vuông hoặc hình thểu, ở trung tâm các mộ vuông thường có học hình trụ vuông xây bằng gạch, bằng gạch đá hoặc ghép bằng gỗ. Cũng có số ít mộ ở trung tâm chỉ có một lỗ nhỏ chọc sâu vào lớp đất sét nện phía dưới. Trong các học thường được lấp đầy cát mịn và có chôn theo những hạt đá quý, di vật bằng vàng, hoặc mảnh gốm, than tro, xương mùn nát. Như vậy việc phát hiện các ngôi mộ ở Nền Chùa quy mô lớn nhỏ khác nhau, khá đa dạng, lần đầu tiên bổ sung thêm cho nền văn hóa Óc Eo một loại hình di tích mới làm cơ sở cho việc phân chia loại hình mộ trong các di tích Óc Eo ở đồng bằng Nam bộ.

Việc phát hiện loại hình mộ ở Nền Chùa có ý nghĩa rất lớn, cho chúng ta nhận thức được một lối chôn cất, một tập tục mai táng, một hình thức tín ngưỡng, sự phân hóa xã hội trong cộng đồng cư dân Óc Eo. Đồng thời cho thấy một bộ phận cư dân Óc Eo theo tín ngưỡng đạo Bà La Môn chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ cổ đại. Niên đại C14 của mộ và của di tích Nền Chùa từ thế kỷ III đến thế kỷ V sau Công nguyên hoàn toàn phù hợp với giai đoạn Óc Eo sớm và Óc Eo phát triển của văn hóa Óc Eo ở khu di tích Óc Eo - Ba Thê.

Ngoài ra, những khám phá mới ở Nền Chùa đã khiến chúng ta phải xem lại quan niệm về "tiền cảng" của "thành phố cảng Óc Eo" của L. Malleret. Phải chăng nó chỉ là một thị tứ, một "vệ tinh" hay một "tiền đồn" ven biển của Óc Eo (?). Vấn đề này cần được tiếp tục làm sáng tỏ.

3. Di tích Đá Nổi

Di chỉ khảo cổ học Đá Nổi nằm trên cánh đồng Đá Nổi thuộc ấp Hòa Tây B, xã Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, phân bố trên diện tích dài 1500m theo hướng đông tây, rộng 1000m theo hướng bắc nam, cách thành phố Long Xuyên 7km về phía nam, cách khu di tích Óc Eo - Ba Thê khoảng 20km về phía đông.

Di tích được biết đến vào năm 1984 và được khai quật "chứa chấy" vào tháng 3 năm 1985. Kết quả trên một thế đất bằng phẳng, không cao hơn bao nhiêu so với mặt ruộng xung quanh, đã phát hiện được 7 ngôi mộ hỏa táng đặc trưng của văn hóa Óc Eo. Các mộ được phát hiện đều có dạng hình giếng vuông, có cấu trúc trung tâm là một khối trụ vuông bằng gạch, xung quanh bên ngoài tấn bằng đá và cát trắng. Trong số này, ngoài hai mộ đã bị đào phá, hiện vật đã bị lấy đi, có 5 mộ còn nguyên có chôn theo 331 hiện vật. Trong đó có 317 hiện vật

vàng gồm những đồ trang sức (nhẫn, mặt đeo), lá vàng chạm hình người, hình động vật, thảo mộc, vật dụng, văn tự cổ, đồ trang trí hình học. Nhìn chung phần lớn các hình chạm, dập đều là những biểu tượng thuộc tín ngưỡng Bà La Môn, những chữ Sanskrit cổ. Ngoài ra, trong ngôi mộ (85 ĐN M2) có chôn theo một bát hoặc hộp bằng đồng, bên trong có chứa một bệ thờ gồm một linga bằng vàng gắn trên bệ bằng đồng và một lá vàng mạ đen hình yoni khá hiện thực bị linga xuyên thủng gây ấn tượng hiện thực về tục thờ sinh thực khí. Một số lá vàng có chạm khắc hình phong cảnh đồng bằng sông Cửu Long như lá vàng chạm hình đàn hươu đi trên cánh đồng sen, hình đàn bò đang gặm cỏ, bò nằm nghỉ dưới cây dừa nước, hình cá bơi lội...

Ở di chỉ Đá Nổi chưa có cuộc khai quật di chỉ cư trú và kiến trúc. Tuy nhiên, dựa vào các hố đào phá tìm vật quý, nhiều mảnh gốm cổ Óc Eo, vật dụng bằng gỗ, vòng đeo bằng chì, hạt chuỗi bằng thủy tinh, mã não và một phiến đá có khắc chữ Sanskrit cổ cho thấy di chỉ ở vào thời kỳ văn hóa Óc Eo phát triển khoảng thế kỷ V - VI sau Công nguyên. Và những di vật thu thập được trong mộ ở Đá Nổi được đánh giá là quan trọng nhất về số lượng và cả về nội dung văn hóa trong các di tích văn hóa Óc Eo được biết từ năm 1944 đến nay.

4. Di chỉ Cạnh Đền

Di chỉ còn có tên gọi là Cent Rues (Trăm Phố), nằm trong vùng rừng U Minh Thượng, thuộc ấp Cạnh Đền 2, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, cách thị xã Rạch Giá khoảng 70km và khu di tích Óc Eo - Ba Thê khoảng 90km về phía đông nam. Di chỉ được biết đến vào năm 1938, là nơi đã thu thập được nhiều cốt sọ người cổ mà theo bà E. Genét Varcin thì những cốt sọ người này thuộc

giống Protomalais ở các hải đảo miền nam di dân lên.

Vào cuối năm 1985, di chỉ này đã bị phá hủy nghiêm trọng bởi những người tìm vàng. Trong các đợt khảo sát, đào thám sát khảo cổ học vào những năm 1980-1990 của thế kỷ XX đã xác định di tích có phạm vi phân bố rất rộng. Trong đó:

- Khu vực trung tâm (khu Đền Vua) là nơi tập trung với mật độ cao của loại hình di tích kiến trúc và mộ táng thuộc loại hình Óc Eo - Nền Chùa.

- Phần phía nam của di tích gồm một số gò thấp và phần còn lại là đất bằng, trảng, lung. Trên gò có dấu vết mộ táng. Dưới vùng đất bằng, lung là những vết tích cư trú. Trong các hố đào thám sát ở đây đã tìm thấy nhiều mảnh gốm cổ, gỗ, trái cây, hạt lúa và di cốt người, động vật...

- Phần phía bắc là nơi cư trú trong tầng văn hóa tìm thấy sọ người, xương động vật, gốm, gỗ, những hạt lúa...

Đặc biệt, trong phạm vi Cạnh Đền, khảo cổ học đã thu thập được rất nhiều con dấu bằng đá quý và bằng kim loại (13 tiêu bản), trên mặt dấu có khắc chạm hình người, hình động vật (bò, sư tử), chữ cổ... Đây là số lượng con dấu lớn nhất được biết đến trong các di chỉ văn hóa Óc Eo ở Nam bộ. Theo đó có thể nghĩ rằng Cạnh Đền là một trong những trung tâm chính trị, văn hóa, tôn giáo quan trọng - nơi tập trung quyền lực cao, một cửa ngõ giao thương với thế giới bên ngoài ở vùng cực nam của vương quốc Phù Nam. Phân tích loại hình di tích, di vật thu thập được cho thấy niên đại sớm nhất của Cạnh Đền khoảng thế kỷ IV - VII sau Công nguyên thuộc thời kỳ Óc Eo phát triển. Cũng như Óc Eo - Ba Thê, xung quanh Cạnh Đền ở phía đông, tây và bắc còn có một số di tích khảo cổ "vệ tinh" như Kè Một, Vĩnh Hưng, Nền Vua... Phải chăng

đây là kinh đô cuối cùng của Phù Nam(?).

5. Khu di tích Gò Tháp

Khu di tích nằm ở vùng trung tâm Đồng Tháp Mười thuộc ấp I, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, có phạm vi phân bố trên diện tích rộng 2km theo hướng đông tây, dài 3km theo hướng bắc nam, cách thị xã Cao Lãnh 20km về phía đông bắc.

Di tích được biết đến từ những năm cuối thế kỷ XIX với tên gọi là Pra-sát-Pream Loven gồm một thế đất cao uốn lượn dài khoảng 1km theo hướng bắc nam, rộng 300 - 400m theo hướng đông tây và vùng thấp ở xung quanh. Tại đây, trên thế đất cao, trong nhiều chục năm nửa đầu thế kỷ XX, các nhà khảo cổ học Pháp đã lần lượt đến khảo sát và đào thám sát. Nhiều vết tích kiến trúc cổ, nhiều pho tượng sản phẩm điêu khắc, văn tự cổ đã được phát hiện. Di tích Gò Tháp đã được coi là "một trong những trung tâm tôn giáo khá quan trọng" có quan hệ đến sự kiện "vị Thái tử Gunavarman trẻ tuổi, đã được vua cha là Jayavarman phong cho trị vì một lãnh thổ sừng sỏ, được chinh phục từ đầm lầy..." (G. Coedes, 1931).

Từ sau năm 1975 đến nay, di tích Gò Tháp đã liên tục được các nhà khảo cổ học Việt Nam khảo sát, đào thám sát và khai quật nhiều lần đã xác định có ba loại hình di tích quan trọng gồm di chỉ cư trú, di chỉ kiến trúc và di chỉ mộ táng.

- Di chỉ cư trú:

Ở Gò Tháp, dấu vết di chỉ cư trú được phát hiện khắp mọi nơi trên cánh đồng thấp xung quanh khu vực gò và ở độ sâu 2,20m dưới gò trong diện tích rộng chừng 6km² với vết tích bếp lửa (thanh củi cháy đỏ), những mảnh nồi gốm bầm muội khói đen, gốm tô màu, những tàn tích gỗ có vết gia công, cọc gỗ nhà sàn, hạt lúa, trái cây, vỏ dừa, dọi xe chỉ, xương răng trâu

bò nhà, chó nhà, hàm cá sấu... Đặc biệt trong khu vực cư trú đã tìm thấy nhiều tượng Phật bằng gỗ và có dấu vết của xưởng thủ công chuyên chế tác tượng Phật bằng gỗ mà bằng chứng là việc tìm thấy một số pho tượng Phật đang trong quá trình chế tác dở, có đủ hình hài nhưng chưa có mắt, mũi, miệng, tóc trên đầu và áo cà sa trên thân.

Hai mẫu gỗ lấy ở độ sâu 2,15m - 2,50m trong tầng văn hóa được phân tích bằng phương pháp C14 cho niên đại 2350 ± 40 BP = 400 năm trước Công nguyên, 2250 ± 40 BP = 300 năm trước Công nguyên. Kết quả phân tích cho thấy Gò Tháp có dấu vết cư trú sớm kéo dài từ thời kỳ tiền sử muộn đến thời kỳ văn hóa Óc Eo.

- Di chỉ kiến trúc:

Các di chỉ kiến trúc đều được phát hiện trên các gò hoặc thềm đất cao, có cấu trúc rất đa dạng gồm:

+ Kiến trúc có bình đồ chữ nhật khép kín (GT93 KT) tường vách bên trong được xây theo lối giạt cấp, bên ngoài nhấp nhô, có thể thuộc loại kiến trúc đền - mộ.

+ Kiến trúc xây đặc có bình đồ hình chữ nhật bẻ góc ở hai đầu phía đông và phía tây, quanh tường vách có gờ cột giả, trung tâm có cấu trúc vuông sâu từ bề mặt xuống đến đáy (Miếu Bà Chúa Xứ, Gò Tháp Mười). Loại hình kiến trúc này không thấy trong các di tích văn hóa Óc Eo điển hình ở miền Tây sông Hậu, có thể thuộc vào thời kỳ sau Óc Eo.

Ngoài những kiến trúc tôn giáo ở Gò Tháp còn có dấu vết của những bờ tường gạch dài từ vài chục mét đến hàng trăm mét ngoài cánh đồng, nhiều dấu vết bờ tường xây chìm dưới lòng đất (Gò Minh Sư, Giếng Chùa)...

- Di chỉ mộ táng:

Các di chỉ mộ táng phát hiện được tập trung trên một gò thấp khá bằng phẳng, có cấu trúc đa dạng gồm hai loại:

Mộ huyết vuông, trung tâm

có khối trụ vuông xây bằng gạch ăn sâu từ bề mặt xuống đến đáy, xung quanh bên ngoài tấn bằng gạch vỡ với cát kết dính; mộ dạng hình khối trụ vuông, chung quanh xây gạch tạo thành khối đặc. Loại mộ có huyết tương tự các mộ nói trên nhưng bên ngoài có khuôn viên hình chữ nhật bao bọc.

Hiện vật thu thập được ở Gò Tháp rất đa dạng và phong phú gồm hàng chục pho tượng thần, tượng Phật bằng đá, bằng gỗ, bằng đất nung; nhiều hình vật thờ như linga, yoni, somasutra,

sen), Sihva (bò, đinh ba, mặt trăng), Brahma (muông, bông sen...), Indra (voi, quyền trượng Vajra), Skanda (gà trống), Agni (lửa, đuốc), Yama (trâu, dây thòng lọng hay dây nút), Vayu (mũi tên), Varuna (quái vật hay cá sấu, trái dừa, dây thòng lọng), Sarasvati, Laksmi (xâu hạt chuỗi, dây bông), Shandra (mặt trăng)...

Ngoài ra, ở đây còn có các hình chạm dập khác liên quan đến các vị thần linh - tinh tú trên trời như vòng tròn (mặt trời - Ravi), hình tam giác (sao



Quân cờ hình ngựa tìm thấy ở di tích Gò Minh Sư. Nguồn: Tư liệu Ban Quản lý Khu di tích Gò Tháp

khuôn đúc đồ trang sức, tiền bằng vàng, đồ trang sức bằng vàng, mảnh vàng, hạt chuỗi, đá quý, thủy tinh...

Trong số những hiện vật nói trên thì những mảnh vàng lá chiếm số lượng khá lớn, tới 339 mảnh.

Đặc trưng nổi bật của các lá vàng là có hình chạm - dập rất đa dạng mà phần lớn là mang biểu tượng của các vị thần linh Ấn giáo như Vishnu (bánh xe, cá, rùa, con ốc, Garuda, bông

Hỏa - Mangala), hình tứ giác (sao Kim - Sukra)... hoặc những hình chạm mô tả quang cảnh cuộc sống, thiên nhiên ở vùng Đồng Tháp xưa như hình đàn voi, cánh đồng sen, nhà sàn... Những phát hiện trên trùng hợp với bản minh văn, cho thấy cư dân ở Gò Tháp xưa là những người rất sùng đạo.

Dựa vào kết quả phân tích niên đại C14 và bằng phương pháp so sánh đối chiếu cho thấy Gò Tháp là một di tích có sự phát

triển mạnh mẽ, liên tục từ thế kỷ IV đến thế kỷ VIII chuyển tiếp từ thời kỳ Óc Eo đến sau Óc Eo. Bước chuyển tiếp này dường như trùng hợp với sự diễn biến của các kiến trúc tôn giáo phát hiện được trong khu vực này đó là từ bình đồ hình vuông, bình đồ hình chữ nhật đến bình đồ hình chữ nhật bẻ góc một đầu, bình đồ hình chữ nhật bẻ góc hai đầu.

Tại Gò Tháp, qua điều tra khảo sát đã ghi nhận có dấu vết của nhiều con kinh đào cổ từ khu vực di tích tỏa đi khắp nơi trong

trọng thuộc thời kỳ văn hóa Óc Eo ở vùng Đồng Tháp Mười.

6. Di tích Bình Tả

Thuộc địa phận ấp Bình Tả, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Trong khu di tích này có các di chỉ kiến trúc dựng trên các gò cao như Gò Cái Tháp, Gò Chôm, Gò Tháp Lấp, Gò Năm Tước, Gò Xoài... là những kiến trúc tôn giáo có bình diện vuông hoặc gần vuông. Riêng ở di chỉ Gò Đôn (Gò Tháp Lấp) có những đường gạch xây bao bọc xung quanh bên ngoài.

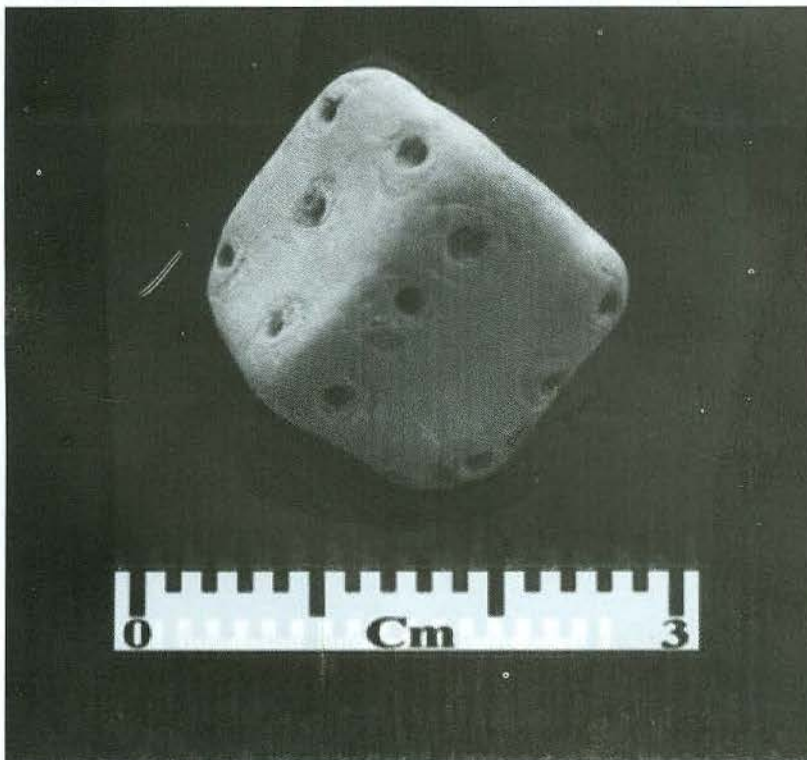
kỷ VIII-XI.

- Di chỉ Gò Năm Tước là kiến trúc tôn giáo chỉ còn lại phần móng - thuộc loại kiến trúc có bình đồ bẻ góc ở phần trước, đối xứng giữa hai phần bắc và nam. Niên đại đoán định khoảng thế kỷ VII - VIII sau Công nguyên.

- Di chỉ Gò Xoài là kiến trúc có bình đồ vuông kết hợp với một ít yếu tố bẻ góc ở phía đông và phía tây. Trung tâm kiến trúc có hồ thờ hình giềng vuông có chôn theo 26 hiện vật vàng. Trong đó có một lá vàng lớn (210mm x 40mm) có khắc bản văn kinh Phật. Phát hiện trên cho thấy, Gò Xoài là di tích kiến trúc Phật giáo đầu tiên được xác định ở vùng đồng bằng Nam bộ có niên đại đoán định vào thời kỳ sau Óc Eo.

Các di chỉ khảo cổ nói chung và những di chỉ tiêu biểu của văn hóa Óc Eo nói riêng gồm các dấu vết di chỉ cư trú, di chỉ kiến trúc và di chỉ mộ táng đã được phát hiện ở đồng bằng Nam bộ đã phản ánh cụ thể đời sống kinh tế - xã hội của các cộng đồng cư dân cổ trên địa bàn Nam bộ trong hơn 10 thế kỷ trước và sau Công nguyên. Những kết quả nghiên cứu từ sau 1975 đến nay đã cho thấy cư dân Óc Eo ở đồng bằng Nam bộ là những tộc người bản địa. Những cốt sọ cổ tìm thấy ở Cạnh Đền thuộc chủng Indonesien gần gũi với loại hình người Thượng hiện nay và có đặc điểm chung với cốt sọ phát hiện ở An Sơn (Long An) có niên đại 2750 ± 45 BP và Rạch Rừng (Long An) có niên đại 2800 ± 45 BP.

Các sọ cổ tìm thấy ở Gò Tháp và Óc Eo đều mang những đặc điểm thường gặp ở số đông người Thượng hiện nay, được xếp vào tiểu chủng Indonesien (hay Protomalais). Trong quá trình lịch sử, các cộng đồng người này có những quan hệ huyết thống và văn hóa với những tộc người Mã Lai gốc Nam Đảo trong những đợt thiên di của họ trong vùng Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.



Xúc sắc tìm thấy ở di tích cư trú chân Gò Minh Sư. Nguồn: Tư liệu Ban Quản lý Khu di tích Gò Tháp

vùng Đồng Tháp Mười, đến một số các di tích như: Từ phía bắc đến Gò Đế, Gò Hàng; phía đông đến Gò Bảy Liếp, Địa Tháp; phía tây đến Gò Vinh Châu A... Các di chỉ này được nhìn nhận thuộc thời kỳ văn hóa Óc Eo nhưng có quy mô khá khiêm tốn so với Gò Tháp đặc biệt không có những kiến trúc tôn giáo và kiến trúc mộ táng xây bằng vật liệu nặng như gạch, đá. Theo đó có thể nghĩ rằng, Gò Tháp là trung tâm kinh tế văn hóa và tôn giáo quan

Ngoài ra, trong khu di tích còn có nhiều bầu nước cổ như Bầu Sen, Bầu Sao, Bầu Sinh, Bầu Bù Lờ. Đây là loại di chỉ phổ biến ở vùng đất cao ven sông Vàm Cỏ Đông. Trong đó, di chỉ Gò Đôn là một kiến trúc gạch - đá ong có quy mô lớn mang yếu tố của ngôi đền Ấn giáo gồm đền chính, đền phụ với các tượng thân, linh vật thờ. Có ít nhất là hai thời kỳ xây dựng tại đây và niên đại của kiến trúc được đoán định thuộc giai đoạn muộn, khoảng từ thế

Cho đến nay, ở đồng bằng Nam bộ đã có hàng trăm di chỉ văn hóa Óc Eo đã được xác định. Các di chỉ thuộc văn hóa này đã được khai quật gồm các loại hình di tích cư trú, kiến trúc, mộ táng cùng với nhiều loại hình di vật cho thấy cư dân Óc Eo đã thích nghi với môi trường thiên nhiên và chế ngự thiên nhiên. Trong đó, thể hiện rõ nhất là lối cư trú nhà sàn trên vùng đồng bằng thấp sinh lầy. Lối cư trú này là một truyền thống lâu đời của các tộc người Indonesien ở vùng nhiệt đới gió mùa.

Nỗ lực chế ngự thiên nhiên rõ nét nhất là đắp đất tạo thành gò cao làm nền móng cho kiến trúc tôn giáo và mộ táng.

Sự phong phú và đa dạng của các di tích di vật tìm thấy trong các di chỉ văn hóa Óc Eo như kiến trúc gỗ, kiến trúc gạch - đá, tượng thờ, vật thờ bằng đá, bằng gỗ, đất nung, những vật dụng sinh hoạt hàng ngày, đồ trang trí, đồ trang sức hàng chục loại chế tác với nhiều chất liệu và màu sắc khác nhau... cho thấy nhu cầu của xã hội đã được ứng một cách đầy đủ. Tất cả dựa trên nền nông nghiệp phát triển mạnh, nền thủ công nghiệp đạt trình độ cao cho thấy sự phân công xã hội rất đa dạng. Sản phẩm thủ công nghiệp phong phú đã tạo điều kiện cho sự phát triển nhanh chóng của thương nghiệp ở nội địa cũng như với thế giới bên ngoài.

Trong văn hóa Óc Eo, hai tôn giáo Phật giáo và Ấn giáo được truyền bá rộng. Trong đó Phật giáo hình như được phổ biến trong tầng lớp cư dân lao động, Bà La Môn giáo phổ biến trong tầng lớp thượng lưu.

Từ khoảng thế kỷ VI - VII về sau, ở xã hội cư dân cổ văn hóa Óc Eo ở Nam bộ đã trải

qua một thời kỳ biến động khá sâu sắc. Trong đó có yếu tố môi trường và một số yếu tố dân tộc học mới bắt đầu xuất hiện mà mở đầu với cuộc chinh phục của Chân Lạp vào giữa thế kỷ VI làm tan rã nhà nước Phù Nam. Nhưng sự sụp đổ của vương quốc Phù Nam và sự suy tàn của văn hóa Óc Eo không có nghĩa là chủ nhân của nó theo đó mà biến mất, mà họ vẫn tiếp tục sinh sống trên đất cũ của mình. Không thể có sự thay thế một cơ tầng cư dân bản địa bằng một lớp cư dân khác trên một vùng đất rộng lớn có mật độ cao như vùng đất châu thổ sông Cửu Long sau một cuộc chinh phục bằng quân sự. Dấu ấn nổi bật của sự kiện này là trên địa bàn truyền thống của cư dân Óc Eo xưa, khảo cổ học phát hiện được rất ít các di chỉ thuộc thời kỳ sau Óc Eo. Ngược lại, ở những vùng xa trung tâm Óc Eo mật độ các di tích Óc Eo tập trung cao với nhiều loại hình di tích, di vật phong phú đa dạng vừa mang truyền thống văn hóa Óc Eo vừa có những yếu tố mới mang tính chất khu vực. Trong số các di tích này đặc biệt nổi bật nhất là di tích Cát Tiên (Lâm Đồng), là nơi tập trung nhiều di chỉ kiến trúc đền tháp, đền thờ, mộ táng, nhiều tượng thờ, linh vật thờ, đồ trang sức, lá vàng, đá quý... mang đậm nét yếu tố văn hóa Óc Eo. Theo đó có thể nghĩ rằng phải chăng vào thời sau Óc Eo do không thích nghi, không chịu sự thống trị của tộc người Chân Lạp, một bộ phận người thuộc Phù Nam xưa đã dần dần rời bỏ địa bàn sinh sống ở vùng đồng bằng của họ mà rút về vùng rừng núi Đông Nam bộ và Nam Trường Sơn cùng với những tộc người ở đó nguyên trước có thể là chư hầu hoặc lệ thuộc Phù Nam tạo dựng lên một quốc gia mới hay khu

quần cư rộng lớn tiếp tục duy trì truyền thống văn hóa Óc Eo - Phù Nam và tiếp thu những yếu tố văn hóa mới của Chân Lạp và Chăm-pa. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Georges Coedès, "La légende de la Nagi"; *BEFEO*, XI, tr.39.

2. Nguyễn Quang Quyền, *Báo cáo kết quả nghiên cứu các di cốt (sọ và xương) người cổ ở Long An (Mộc Hóa và An Sơn)*, 1991, Tài liệu Bảo tàng Long An.

3. Lê Trung Khả, *Về những sọ cổ mới phát hiện ở An Giang và Đồng Tháp*, 1984, tài liệu Viện Khoa học Xã hội tại TP. Hồ Chí Minh.

4. W. G. Solheim II, *Reflections on the new data of Southeast Asia Prehistory: Austronesian origin and consequence*, Paper at the First International Conference on Comparative Austronesian Linguistics, Jan, 1974, Honolulu, Hawaii.

5. Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường, *Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học Xã hội, H.1990.

6. Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải, *Văn hóa Óc Eo - Những khám phá mới*, Nxb. Khoa học Xã hội, H.1995.

7. Võ Sĩ Khải, "Đất Gia Định thế kỷ VII đến thế kỷ XVI" trong: *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, TP. Hồ Chí Minh, 1987, tr.82-124.

8. Bùi Phát Diệm, Đào Linh Côn, Vương Thu Hồng, *Khảo cổ học Long An những thế kỷ đầu Công nguyên*, Long An, 2001.

9. L. Malleret, *L'Archéologie du delta du Mekong*, Tom I - IV, par 1959-1963.

10. *Văn hóa Óc Eo và các nền văn hóa cổ ở đồng bằng sông Cửu Long*, Long Xuyên, 1984.

11. Genet - Varcin, "Les restes osseux des Cent Rues (Sud Vietnam)", *BEFEO*, XLIX, I, p. 275-295, 1958.